TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 14/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và bà Ngô Thuỳ Phương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hạp Thị Lan Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh*** tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2022/TLST- HNGĐ ngày 21/10/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22/11/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2022/QĐ-ST ngày 12/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 – vắng mặt;
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 – vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Ngư Đại, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn trình bày như sau:

Bà và ông Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Xuân, huyện Quế Võ năm 1998. Sau sinh con trai lớn được 02 tháng tuổi thì vợ chồng được bố mẹ chồng cho ra ở riêng. Tuy nhiên, khi ở riêng, ông Th có đánh bà gây thương tích. Bà có bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau 01 năm ông Th có sang xin lỗi và đón mẹ con bà về nhà. Khi bà sinh con trai thứ 2 thì một mình bà ở và nuôi 02 con còn ông Th thì sống và nuôi con trai của vợ cũ. Quá trình chung sống, giữa bà và ông Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi, cãi vã lẫn nhau vì quan điểm và lối sống không phù hợp. Từ năm 2015, giữa bà và ông Th đã sống ly thân với nhau. Từ khi sống ly thân, ông Th không có trách nhiệm gì với 03 mẹ con bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, bà xin ly hôn với ông Th.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1999 và anh Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 2002. Anh Đ1 và anh Đ2 đều khỏe mạnh, đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về cấp dưỡng, tài sản, công nợ*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Xuân năm 1998. Cuộc sống ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2002 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường

xuyên xảy ra cãi cọ, xô sát. Bà T xúc phạm ông và gia đình ông. Ông bà hiện sống ly thân. Ông cũng không còn tình cảm với bà T nhưng ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Ông, bà có 02 con chung như bà T trình bày, đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không yêu cầu giải quyết.

- *Tài sản, công nợ:* Không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết, Thẩm phán tiến hành làm việc với cụ Nguyễn Thị Ch là mẹ đẻ ông Th, cụ Ch trình bày: Vợ chồng ông Th và bà T có với nhau 02 con đều đã trưởng thành. Quá trình ông Th và bà T chung sống, dù hai vợ chồng ở riêng nhưng bà T hay chửi bới ông Th và bố mẹ chồng. Hiên nay, vợ chồng ông Th và bà T đã sống ly thân. Về việc bà T làm đơn ly thôn ông Th thì cụ nhất trí đề nghị cho vợ chồng ông Th và bà T ly hôn.

Làm việc với anh Nguyễn Văn Kh - Trưởng thôn Ngư Đại, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ nhưng chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa bà T và ông Th.

Đại diện VKSND huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của BLTTDS; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 BLTTDS nhưng bị đơn không chấp hành đúng các quy định trên.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, 147, 186, 227, 228, 271 và 273 BLTTDS; NQ 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.
- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn ông Nguyễn Văn Th. Cả hai ông bà hiện đang sinh sống tại thôn Ngư Đại, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Do đó đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của cả bà T và ông Th cũng như cụ Nguyễn Thị Chung là mẹ đẻ của ông Th, thì vợ chồng ông Th và bà T thường xuyên xảy ra tranh chấp, vợ chồng chửi bới, cãi cọ nhau, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, cả hai không sống cùng nhau từ nhiều năm. Bản thân ông Th mặc dù thừa nhận hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nhưng không đồng ý ly hôn, cũng không tiến hành làm bất cứ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự lên để tiến hành hòa giải nhưng ông Th cố tình vắng mặt, không hợp tác giải quyết.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng ông Th và bà T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của bà T là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng bà T, ông Th có 02 con chung là anh Nguyễn Văn Đạt, sinh năm 1999 và anh Nguyễn Văn Được, sinh năm 2002. Hiện anh Đạt, anh Được đều khỏe mạnh và trưởng thành nên bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Án phí:* Bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 186, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn Th.
- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra giải quyết

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2021/0006600 ngày 21/10/2022 của Chi cục THA dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.*
- *Các đương sự;*
- *THADS huyện Quế Võ.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hoài Phương